

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Anh N, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Phan Chu Trinh - Chi nhánh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:*

1. Anh Đỗ Văn L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Phố S, thị trấn T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987 (vợ anh L).

Địa chỉ: Phố S, thị trấn T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ gốc và lãi:**

Ngày 10/5/2016, vợ chồng anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị N ký hợp đồng tín dụng LD1613100123 vay của Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 250.000.000đ. Khi vay tiền vợ chồng anh L đã ký hợp đồng thế chấp số LD1613100123/HĐTC ngày 10/5/2016, thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát: 36C-166.56. Sau khi vay, vợ chồng anh L, chị N đã trả được số tiền nợ gốc là 125.040.000đ và trả được tiền lãi đến ngày 10/5/2018. Vợ chồng anh L, chị N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 124.960.000đ. Ngân hàng rút yêu cầu vợ chồng anh L và chị N phải trả tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát: 36C-166.56. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh L và chị N phải trả số tiền nợ gốc là 124.960.000đ. Vợ chồng anh L, chị N chấp nhận trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 124.960.000đ.

## **2.2. Về phương án trả nợ:**

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng anh L, chị N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 124.960.000đ (*Một trăm hai mươi tư triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), trả theo kỳ hạn, chia thành 06 kỳ như sau:

- Ngày 05/6/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả 20.000.000đ.
- Ngày 05/7/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả 20.000.000đ.
- Ngày 05/8/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả 20.000.000đ.
- Ngày 05/9/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả 20.000.000đ.
- Ngày 05/10/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả 20.000.000đ.
- Ngày 05/11/2022: Vợ chồng anh L, chị N trả số tiền nợ gốc còn lại là 24.960.000đ.

## **2.3. Về xử lý vi phạm:**

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Nếu vợ chồng anh L, chị N vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào về thời hạn trả nợ như cam kết nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số nợ gốc mà vợ chồng anh L, chị N nợ Ngân hàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **2.4. Về án phí:**

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng anh L, chị N phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.124.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi tư nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.017.000đ (*Năm triệu không trăm mười bảy nghìn đồng*), theo biên lai thu số

AA/2021/0003306 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

**3.** Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát: 36C-166.56, do nguyên đơn rút các yêu cầu này.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Dung**